



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện  
Taya (Việt Nam) –  
Trụ sở chính Đồng Nai**

Báo cáo tài chính giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2021



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy phép Đầu tư số</b>	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNDC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-DN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
	414/GPĐC2-BKH-KCN-DN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
	414/GPĐC3-BKH-KCN-DN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
	414/GCNDC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp	

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số</b>	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp		

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

<b>Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
	do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp	

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thông tin về Công ty (tiếp theo)**

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Wang Ting Shu Ông Tsai Chung Cheng Ông Tu Ting Jui Ông Lin Fu Chih	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Wang Ting Shu Ông Hsu Ching Yao	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
<b>Ban Kiểm soát</b>	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey Ông Wang Yen Huang	Trưởng ban Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Trụ sở đăng ký</b>		
<b>Trụ sở chính</b>	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa Tỉnh Đồng Nai Việt Nam	
<b>Chi nhánh</b>	Xã Cẩm Điền Huyện Cẩm Giàng Tỉnh Hải Dương Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 33 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Trụ sở chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc cho rằng Trụ sở chính sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

Tỉnh Đồng Nai, ngày 17 tháng 8 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)  
– Trụ sở chính Đồng Nai**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai (“Trụ sở chính”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 8 năm 2021, được trình bày từ trang 6 đến trang 33.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00309-21-1



Trương Vinh Phúc  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 1901-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Triệu Tích Quyền  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 4629-2018-007-2

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 8 năm 2021

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>920.265.703.982</b>	<b>565.406.736.304</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>129.000.798.838</b>	<b>67.926.399.212</b>
Tiền	111		129.000.798.838	67.926.399.212
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>62.176.982.475</b>	<b>71.764.939.282</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8	62.176.982.475	71.764.939.282
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>355.502.620.501</b>	<b>235.850.300.002</b>
Phải thu của khách hàng	131	9	334.223.586.298	235.735.346.039
Trả trước cho người bán	132		2.252.802.935	455.374.640
Phải thu nội bộ	134	10	19.349.693.044	-
Phải thu ngắn hạn khác	136		795.616.436	778.657.535
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(1.119.078.212)	(1.119.078.212)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>11</b>	<b>343.348.356.605</b>	<b>185.527.086.274</b>
Hàng tồn kho	141		344.052.269.996	185.877.999.122
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(703.913.391)	(350.912.848)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>30.236.945.563</b>	<b>4.338.011.534</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.781.446.231	1.813.867.821
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	12(a)	28.279.256.377	2.300.431.058
Tài sản ngắn hạn khác	155		176.242.955	223.712.655
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>187.854.153.056</b>	<b>191.794.333.969</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>122.801.647.437</b>	<b>122.801.647.437</b>
Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh	213	13	122.801.647.437	122.801.647.437
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61.339.483.462</b>	<b>66.696.299.806</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	14	61.216.778.662	66.530.287.006
Nguyên giá	222		342.900.001.707	342.421.581.886
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(281.683.223.045)	(275.891.294.880)
Tài sản cố định vô hình	227	15	122.704.800	166.012.800
Nguyên giá	228		1.000.078.800	1.000.078.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(877.374.000)	(834.066.000)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.605.946.029</b>	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	16	1.605.946.029	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.107.076.128</b>	<b>2.296.386.726</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17	1.833.627.387	2.075.888.067
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		273.448.741	220.498.659
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>1.108.119.857.038</b>	<b>757.201.070.273</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

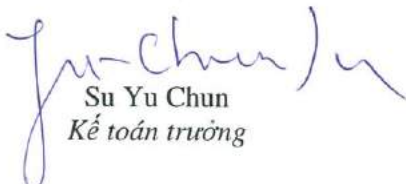
**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>649.845.060.527</b>	<b>302.645.987.212</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>649.845.060.527</b>	<b>302.645.987.212</b>
Phải trả người bán	311	18	105.424.163.474	12.240.001.180
Người mua trả tiền trước	312		27.739.069.151	18.039.439.599
Thuế phải nộp Nhà nước	313	12(b)	5.060.781.597	2.443.622.274
Phải trả người lao động	314		4.221.173.042	5.993.042.700
Chi phí phải trả	315		1.088.679.959	864.879.120
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	54.159.940.096	165.092.382
Vay ngắn hạn	320	20	452.151.253.208	262.899.909.957
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>458.274.796.511</b>	<b>454.555.083.061</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>458.274.796.511</b>	<b>454.555.083.061</b>
Vốn cổ phần	411	22	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu quỹ	415	22	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	24	89.321.287.041	78.595.648.888
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		62.326.898.833	69.332.823.536
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		22.442.501.441	20.783.323.190
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này/năm trước	421b		39.884.397.392	48.549.500.346
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>1.108.119.857.038</b>	<b>757.201.070.273</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Wang Ting Shu  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Mẫu B 02a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>	<b>01</b>	<b>26</b>	<b>886.996.178.796</b>	<b>558.640.653.635</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>27</b>	<b>811.005.671.644</b>	<b>515.774.857.399</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>75.990.507.152</b>	<b>42.865.796.236</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	2.102.625.324	4.738.038.561
Chi phí tài chính	22	29	6.495.494.226	9.526.125.490
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		4.821.923.683	6.822.379.397
Chi phí bán hàng	25	30	10.179.181.437	9.513.687.094
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	13.512.697.142	13.729.782.067
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>47.905.759.671</b>	<b>14.834.240.146</b>
Thu nhập khác	31		239.342	256.640.038
Chi phí khác	32		6.541.140	580.534.287
<b>Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(6.301.798)</b>	<b>(323.894.249)</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>47.899.457.873</b>	<b>14.510.345.897</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>33</b>	<b>8.068.010.563</b>	<b>2.759.590.042</b>
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>33</b>	<b>(52.950.082)</b>	<b>12.298.788</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>39.884.397.392</b>	<b>11.738.457.067</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
  
 Wang Ting Shu  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Mã số	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>47.899.457.873</b>	<b>14.510.345.897</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao	02	5.835.236.165	6.061.677.175
Các khoản dự phòng	03	353.000.543	(81.991.921)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	20.496.352	383.294.023
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05	(1.953.622.408)	(3.159.201.599)
Chi phí lãi vay	06	4.821.923.683	6.822.379.397
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>56.976.492.208</b>	<b>24.536.502.972</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(126.150.143.535)	24.124.394.343
Biến động hàng tồn kho	10	(158.174.270.874)	(40.322.344.826)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	100.769.601.923	85.474.180.945
Biến động chi phí trả trước	12	274.682.270	(2.278.045.301)
		<b>(126.303.638.008)</b>	<b>91.534.688.133</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(4.367.997.989)	(6.732.952.173)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(5.054.547.195)	(3.946.359.217)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.823.358.486)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(137.549.541.678)</b>	<b>80.855.376.743</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(2.084.365.850)	(5.011.953.320)
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(92.176.982.475)	(100.000.000.000)
Tiền thu từ tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	101.764.939.282	20.000.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.936.663.507	1.487.505.630
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>9.440.254.464</b>	<b>(83.524.447.690)</b>

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này*

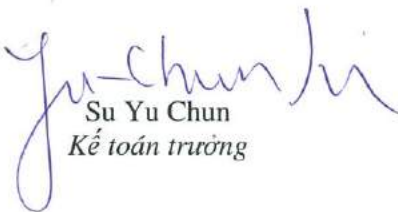
**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**  
**(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

**Mẫu B 03a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	638.294.830.071	425.994.070.308
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn	34	(449.043.486.820)	(405.067.583.637)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>189.251.343.251</b>	<b>20.926.486.671</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> (50 = 20 + 30 + 40)	<b>50</b>	<b>61.142.056.037</b>	<b>18.257.415.724</b>
<b>Tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>67.926.399.212</b>	<b>67.785.364.422</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền</b>	<b>61</b>	<b>(67.656.411)</b>	<b>(323.607.146)</b>
<b>Tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>129.000.798.838</b>	<b>85.719.173.000</b>

Ngày 17 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
 Su Yu Chun  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
 Wang Ting Shu  
 Tổng Giám đốc

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **(b) Hoạt động chính**

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

### **(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **(d) Cấu trúc Công ty**

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005 tại Xã Cẩm Điền, Huyện Cẩm Giàng, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-DN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021, Trụ sở chính có 259 nhân viên (1/1/2021: 262 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ này do Trụ sở chính lập và không bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Chi nhánh. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 cho Công ty (bao gồm Chi nhánh) và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm này.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Trụ sở chính là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Trụ sở chính là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Trụ sở chính áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Trụ sở chính thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(d) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu của khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Trụ sở chính áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng và cấu trúc	7 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 năm
▪ trang bị văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

**(g) Tài sản cố định vô hình**

**Phần mềm vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí máy móc và thiết bị chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Phí hội viên câu lạc bộ golf**

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

**(ii) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Trụ sở chính nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Trụ sở chính có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(l) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (Cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó để phát hành lại, giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập lãi**

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay phát sinh trong thời gian hình thành tài sản sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Trụ sở chính nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Trụ sở chính và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(r) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Trụ sở chính trong kỳ trước.

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Trụ sở chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020. Thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020.

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Kết quả hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính không phụ thuộc vào các biến động thời vụ.

Sự bùng phát của đại dịch Virus Corona (“COVID-19”) trên toàn cầu đã dẫn đến việc thực hiện giãn cách xã hội ở Việt Nam trong một số tháng. Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã áp dụng một số biện pháp để giảm thiểu tác động, chẳng hạn như lập kế hoạch sản xuất và tiết kiệm chi phí. Mức độ ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 đến kết quả hoạt động kinh doanh của Trụ sở chính sẽ phụ thuộc vào thời gian và mức độ lây lan của dịch bệnh, và đây là một vấn đề chưa chắc chắn.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Trụ sở chính đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ của năm trước.

**6. Các thay đổi trong cơ cấu của Trụ sở chính**

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Trụ sở chính kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Trụ sở chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

**7. Tiền**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	269.118.000	347.049.000
Tiền gửi ngân hàng	128.731.680.838	67.579.350.212
	<hr/>	<hr/>
	129.000.798.838	67.926.399.212

**8. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

	<b>Lãi suất</b>	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>năm</b>	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngắn hạn có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	4,8%	62.176.982.475	71.764.939.282

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo thanh toán cho việc cung cấp điện từ nhà cung cấp với số tiền là 1.200.000.000 VND (1/1/2021: 1.200.000.000 VND) và đảm bảo cho nghĩa vụ bảo hành của Trụ sở chính theo hợp đồng đã ký với khách hàng với số tiền là 976.982.475 VND (1/1/2021: 564.939.282 VND).

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu của khách hàng**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Chi nhánh</b>		
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương	5.516.515.534	436.734.746
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	34.048.647	135.850.106
<b>Các bên thứ ba</b>		
Công ty TNHH Tokin Electronics Việt Nam	53.514.998.771	34.622.004.535
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	73.638.821.189	45.754.166.428
Các khách hàng khác	201.519.202.157	155.359.175.076
	334.223.586.298	235.735.346.039

Các khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**10. Phải thu nội bộ**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Phải thu từ Chi nhánh để chia cổ tức (Thuyết minh 21 và Thuyết minh 23)	19.349.693.044	-
	19.349.693.044	-

Các khoản phải thu phi thương mại từ Chi nhánh không được bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu hồi khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

## 11. Hàng tồn kho

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	89.869.601.950	-	1.843.088.190	-
Nguyên vật liệu	36.835.610.416	-	25.720.262.116	-
Sản phẩm dở dang	8.406.362.631	(398.589.117)	7.918.282.242	(143.835.884)
Thành phẩm	208.940.694.999	(305.324.274)	150.396.366.574	(207.076.964)
	<b>344.052.269.996</b>	<b>(703.913.391)</b>	<b>185.877.999.122</b>	<b>(350.912.848)</b>

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Số dư đầu kỳ	350.912.848	775.531.556
Tăng/(hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	353.000.543	(81.991.921)
Số dư cuối kỳ	<b>703.913.391</b>	<b>693.539.635</b>

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 có 7.180 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2021: 17.880 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 12. Thuế

### (a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2021 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.300.431.058	86.468.372.875	(2.300.431.058)	(58.189.116.498)	28.279.256.377

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cân trừ VND	30/6/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	58.189.116.498		- (58.189.116.498)	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	40.203.153.429	(40.203.153.429)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.088.634.875	(2.088.634.875)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.884.154.669	8.068.010.563	(5.054.547.195)	-	4.897.618.037
Thuế thu nhập cá nhân	559.467.605	836.806.457	(1.233.110.502)	-	163.163.560
Các loại thuế khác	-	619.037.672	(619.037.672)	-	-
	2.443.622.274	110.004.759.494	(49.198.483.673)	(58.189.116.498)	5.060.781.597

**13. Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh**

	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Vốn kinh doanh cấp cho Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương	122.801.647.437	122.801.647.437

Vốn kinh doanh cấp cho Chi nhánh là khoản ứng trước dài hạn cho Chi nhánh vào năm 2007 để tài trợ vốn cho hoạt động kinh doanh. Vốn kinh doanh này được phản ánh theo giá gốc và không hưởng lãi.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**

**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**14. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà xưởng và cấu trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Trang bị văn phòng VND</b>	<b>Tài sản khác VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	78.946.480.250	247.547.135.288	9.370.129.293	3.958.617.058	2.599.219.997	342.421.581.886
Tăng trong kỳ	272.727.272	205.692.549	-	-	-	478.419.821
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	79.219.207.522	247.752.827.837	9.370.129.293	3.958.617.058	2.599.219.997	342.900.001.707
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	62.579.141.986	200.153.865.974	7.179.898.929	3.502.487.994	2.475.899.997	275.891.294.880
Khấu hao trong kỳ	895.878.625	4.314.870.340	487.000.200	75.214.200	18.964.800	5.791.928.165
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	63.475.020.611	204.468.736.314	7.666.899.129	3.577.702.194	2.494.864.797	281.683.223.045
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	16.367.338.264	47.393.269.314	2.190.230.364	456.129.064	123.320.000	66.530.287.006
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	15.744.186.911	43.284.091.523	1.703.230.164	380.914.864	104.355.200	61.216.778.662

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 225.035 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 209.816 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**15. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Tại ngày 1 tháng 1/ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.000.078.800
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	834.066.000
Khấu hao trong kỳ	43.308.000
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	877.374.000
<b>Giá trị còn lại</b>	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	166.012.800
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	122.704.800

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 567 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (1/1/2021: 567 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>VND</b>
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	-
Tăng trong kỳ	1.605.946.029
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.605.946.029

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Máy móc và thiết bị	1.605.946.029	-

2-007  
HÀNH  
TƯ  
MG  
HỒ CH

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**17. Chi phí trả trước dài hạn**

	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng VND
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	1.254.363.691	821.524.376	2.075.888.067
Phân bổ trong kỳ	(28.424.280)	(213.836.400)	(242.260.680)
			<hr/>
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2021	1.225.939.411	607.687.976	1.833.627.387

**18. Phải trả người bán**

	30/6/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
<i>Các bên liên quan khác</i>				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	915.598.540	915.598.540	879.050.932	879.050.932
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	3.234.000	3.234.000	27.566.819	27.566.819
<i>Các bên thứ ba</i>				
Mitsubishi Corporation RTM International Pte., Ltd.	89.443.665.196	89.443.665.196	-	-
Các nhà cung cấp khác	15.061.665.738	15.061.665.738	11.333.383.429	11.333.383.429
				<hr/>
	105.424.163.474	105.424.163.474	12.240.001.180	12.240.001.180

Các khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Cổ tức phải trả	53.691.018.500	-
Phải trả khác	468.921.596	165.092.382
	<hr/>	<hr/>
	54.159.940.096	165.092.382
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Vay ngắn hạn**

	1/1/2021		Biến động trong kỳ			30/6/2021	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giải ngân VND	Hoàn trả VND	Đánh giá lại VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn	262.899.909.957	262.899.909.957	638.294.830.071	(449.043.486.820)	-	452.151.253.208	452.151.253.208

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Hạn mức tín dụng	Lãi suất năm	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
Mega International Commercial Bank, Chi nhánh Tainan (b)	7,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,25%	160.327.688.071	69.658.779.137
Ngân hàng Thương mại Taipei Fubon, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	5,5 triệu USD	VNIBOR 6 tháng + 1,2%	100.573.299.169	45.247.189.195
Ngân hàng TNHH CTBC, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	5,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 1,15%	84.214.417.638	33.235.228.563
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3,0 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 1,5%	58.512.925.570	-
Ngân hàng TMCP Đệ Nhất, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (b)	3,5 triệu USD	Chi phí huy động vốn + 2,1%	25.886.200.670	-
Ngân hàng Hua Nan Commercial Bank., Ltd., Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (a)	6,0 triệu USD	SIBOR 6 tháng + 2%	22.636.722.090	83.225.081.979
Ngân hàng Thương mại TNHH E.SUN, Chi nhánh Đồng Nai (b)	4,0 triệu USD	3,25%	-	31.533.631.083
			452.151.253.208	262.899.909.957

- a. Các khoản vay này được bảo lãnh bởi Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch.
- b. Các khoản vay này không có đảm bảo.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	65.250.116.548	84.940.763.907	456.817.491.092
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	13.345.532.340	(13.345.532.340)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(2.268.740.498)	(2.268.740.498)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 23)	-	-	-	(70.565.338.600)	(70.565.338.600)
Cổ tức – 32,21% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 23)	-	-	-	22.022.170.721	22.022.170.721
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	11.738.457.067	11.738.457.067
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2020</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	78.595.648.888	32.521.780.257	417.744.039.782
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	78.595.648.888	69.332.823.536	454.555.083.061
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	10.725.638.153	(10.725.638.153)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.823.358.486)	(1.823.358.486)
Cổ tức – 100% (Thuyết minh 23)	-	-	-	(53.691.018.500)	(53.691.018.500)
Cổ tức – 36,04% được trả từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 23)	-	-	-	19.349.693.044	19.349.693.044
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	39.884.397.392	39.884.397.392
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2021</b>	306.899.450.637	(272.840.000)	89.321.287.041	62.326.898.833	458.274.796.511

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## 22. Vốn cổ phần và cổ phiếu quỹ

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2021		1/1/2021	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.805.820.000	30.680.582	306.805.820.000

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

## 23. Cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 15 tháng 4 năm 2021 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 53.691 triệu VND (1.750 VND một cổ phiếu) (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 70.565 triệu VND). Khoản cổ tức này sẽ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 63,96% và 36,04% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: tỷ lệ lần lượt là 67,79% và 32,21%).

## 24. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/6/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	3.624.670.800	2.921.341.900
Trong vòng hai đến năm năm	14.498.683.200	11.434.891.200
Sau năm năm	50.934.837.200	48.598.287.600
	69.058.191.200	62.954.520.700

**(b) Ngoại tệ**

	<b>30/6/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.049.770	46.980.568.185	1.379.535	31.777.341.195

**26. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	<b>Từ 1/1/2021</b>	<b>Từ 1/1/2020</b>
	<b>đến 30/6/2021</b>	<b>đến 30/6/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	877.964.268.996	553.977.380.095
▪ Bán hàng hóa	29.733.800	22.907.540
▪ Bán phế liệu	9.002.176.000	4.640.366.000
	886.996.178.796	558.640.653.635



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**27. Giá vốn hàng bán**

	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	810.625.690.768	515.831.772.720
▪ Hàng hoá đã bán	26.980.333	25.076.600
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	353.000.543	(81.991.921)
	<b>811.005.671.644</b>	<b>515.774.857.399</b>

**28. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.953.622.408	3.159.201.599
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	149.002.916	1.578.836.962
	<b>2.102.625.324</b>	<b>4.738.038.561</b>

**29. Chi phí tài chính**

	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
Chi phí lãi vay	4.821.923.683	6.822.379.397
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.673.570.543	2.703.746.093
	<b>6.495.494.226</b>	<b>9.526.125.490</b>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Chi phí bán hàng**

	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
Chi phí nhân viên	4.604.112.375	4.566.579.060
Chi phí dịch vụ mua ngoài	931.798.226	951.823.957
Chi phí khác	4.643.270.836	3.995.284.077
	<b>10.179.181.437</b>	<b>9.513.687.094</b>

**31. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
Chi phí nhân viên	6.454.268.724	6.375.880.979
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.365.427.099	4.279.590.077
Chi phí khác	2.693.001.319	3.074.311.011
	<b>13.512.697.142</b>	<b>13.729.782.067</b>

**32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND</b>	<b>Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND</b>
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	814.922.508.100	508.452.010.249
Chi phí nhân công và nhân viên	25.042.437.040	24.374.695.811
Chi phí khấu hao	5.835.236.165	6.061.677.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	25.285.781.311	20.886.702.846
Chi phí khác	22.256.306.599	23.084.954.770
	<b>873.342.235.215</b>	<b>582.859.040.851</b>

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

### 33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

#### (a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	8.068.010.563	2.759.590.042
<b>(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(52.950.082)	12.298.788
	8.015.060.481	2.771.888.830

#### (b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	47.899.457.873	14.510.345.897
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	7.184.918.681	2.176.551.885
Chi phí không được khấu trừ thuế	480.620.365	430.939.009
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	349.521.435	164.397.936
	8.015.060.481	2.771.888.830

#### (c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế.

Ưu đãi thuế suất trên không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng đã được Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông. Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**34. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan**

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ/năm, Trụ sở chính có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 VND	Từ 1/1/2020 đến 30/6/2020 VND	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>Công ty mẹ cấp cao nhất</b>				
<b>Taya Taiwan Electric Wire &amp; Cable Co., Ltd.</b>				
Mua nguyên vật liệu	1.317.011.280	1.348.185.992	915.598.540	879.050.932
Phí bản quyền và phí UL (*)	1.347.096.761	811.831.881	-	-
Phí dịch vụ	9.363.600.000	9.436.500.000	-	-
<b>Công ty mẹ</b>				
<b>Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.</b>				
Cổ tức đã phân phối (**)	42.971.551.000	56.452.270.880	42.971.551.000	-
<b>Chi nhánh</b>				
<b>Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Chi nhánh Hải Dương</b>				
Bán thành phẩm	12.551.342.238	883.447.355	5.516.515.534	436.734.746
Cổ tức phải thu	19.349.693.044	22.022.170.721	19.349.693.044	-
<b>Các bên liên quan khác</b>				
<b>Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)</b>				
Mua nguyên vật liệu	24.450.800	13.442.347	3.234.000	27.566.819
Bán thành phẩm	526.867.141	436.000.887	34.048.647	135.850.106
<b>Ban quản lý chủ chốt</b>				
Thù lao cho thành viên Ban Tổng Giám đốc	498.598.350	489.830.110	-	-
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	1.823.358.486	2.268.740.498	-	-
Cổ tức đã phân phối cho thành viên Hội đồng Quản trị	570.085.250	749.254.900	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch	177.956.500	279.574.097	-	145.605.939

**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) – Trụ sở chính Đồng Nai**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**


**Mẫu B 09a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (\*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Trụ sở chính và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd., công ty mẹ cấp cao nhất, Trụ sở chính có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 13 sản phẩm thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Trụ sở chính sẽ trả phí bản quyền bằng 0,1% trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.
- (\*\*) Đây là toàn bộ cổ tức đã phân phối cho Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd., công ty mẹ, trong đó 36,04% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020: 32,21%) được trả bằng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Chi nhánh (Thuyết minh 23).

Ngày 17 tháng 8 năm 2021

Người lập:

  
Su Yu Chun  
Kế toán trưởng

Người duyệt:

  
Wang Ting Shu  
Tổng Giám đốc

